SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG THPT MƯỜNG LUÂN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 452/QĐ-THPTML	*Mường Luân, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 của trường THPT Mường Luân

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách,tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2042/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.Công bố công khai giao dự toán chi ngân sách năm 2025 của trường THPT Mường Luân

(Có biểu giao dự toán chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT;
- Dán bảng tin, đăng website trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG LUÂN

Vũ Xuân Hồng

SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN

TRƯỜNG THPT MƯỜNG LUÂN

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 452/QĐ-THPTML ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Trường THPT Mường Luân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	
1.1	Lệ Phí	
1.2	Phí	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục**	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	**Chi quản lý hành chính**	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
3.1	**Lệ phí**	
3.2	**Phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**256.000**
1	**Chi sự nghiệp giáo dục**	**256.000**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Trong đó: đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	256.000
	Trong đó:	
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	*20.000*
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	
	Hỗ trợ học sinh thôn , xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị định 66/2025/NĐ-CP (Nguồn trung ương)	*150.000*
	Hỗ trợ học sinh thôn , xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị định 66/2025/NĐ-CP (Nguồn địa phương)	*86.000*